

SỞ GD&ĐT THANH HÓA
ĐỀ THI THAM KHẢO
LẦN 1

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.*
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Vị trí địa lý quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa. B. cận nhiệt đới gió mùa.
C. nhiệt đới lục địa. D. cận nhiệt đới khô.

Câu 2: Dân cư nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở thành thị. B. tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
C. có xu hướng giảm về quy mô. D. phân bố hợp lý giữa các vùng.

Câu 3: Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Tây Nguyên.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.

Câu 4: Khu công nghiệp được tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Tây Nguyên.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5: Ngành dịch vụ ở nước ta hiện nay

- A. xuất hiện nhiều loại hình mới. B. hiện đại ở tất cả các lĩnh vực.
C. phát triển mạnh ở miền núi. D. chủ yếu phục vụ cho sản xuất.

Câu 6: Loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. đường biển. B. đường bộ. C. đường sắt. D. đường hàng không.

Câu 7: Loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao nhất ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay?

- A. Than đá. B. Đá vôi. C. Cao lanh. D. Dầu mỏ.

Câu 8: Vùng nào có số lượng trang trại nuôi trồng thủy sản nhiều nhất hiện nay trong các vùng sau?

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 9: Sản phẩm du lịch nào **không phải** là đặc trưng của Tây Nguyên?

- A. Tham quan nghiên cứu hệ sinh thái. B. Du lịch biên giới gần với cửa khẩu.
C. Tham quan nghỉ dưỡng biển đảo. D. Tham quan tìm hiểu bản sắc văn hóa.

Câu 10: Ở vùng biển nước ta, thiên tai thường xảy ra hàng năm là

- A. bão. B. sóng thần. C. động đất. D. lũ quét.

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây thể hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta?

- A. Hạ lưu các sông đều có độ dốc lớn, dòng chảy phức tạp.
B. Sông ngòi có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.

C. Sông chảy theo hướng vòng cung và tây bắc - đông nam.

D. Tổng lượng nước phân bố đều giữa các hệ thống sông.

Câu 12: Nhân tố chủ yếu nào tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta?

A. khu vực hoá, tăng trưởng kinh tế.

B. toàn cầu hóa, chuyên môn hoá.

C. công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

D. đầu tư nước ngoài, cơ giới hoá.

Câu 13: Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm nước ta phát triển chủ yếu dựa vào

A. thị trường quốc tế rộng lớn.

B. cơ sở vật chất - kĩ thuật rất tốt.

C. nguồn lao động dồi dào, giá công cao.

D. nguồn nguyên liệu phong phú.

Câu 14: Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, sản phẩm nào sau đây **không phải** là sản phẩm nông nghiệp chính?

A. Chăn nuôi gia súc. B. Trồng cây ăn quả. C. Trồng cây dược liệu. D. Khai thác thủy sản.

Câu 15: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta?

A. Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam, áp thấp nhiệt đới, bão.

B. Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây, bão và dải hội tụ nhiệt đới.

C. Gió mùa Đông Bắc, gió Tây, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.

D. Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió đông bắc và bão.

Câu 16: Việc trồng cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ với mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Tạo nông sản giá trị, tăng thu nhập, góp phần phát triển sản xuất.

B. Đa dạng hóa nông nghiệp, thu hút đầu tư, tạo thể mở cửa cho vùng.

C. Nâng cao dân trí, tận dụng tài nguyên, tạo nông sản chất lượng cao.

D. Đẩy mạnh thâm canh, mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.

Câu 17: Thế mạnh chủ yếu để phát triển cây chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

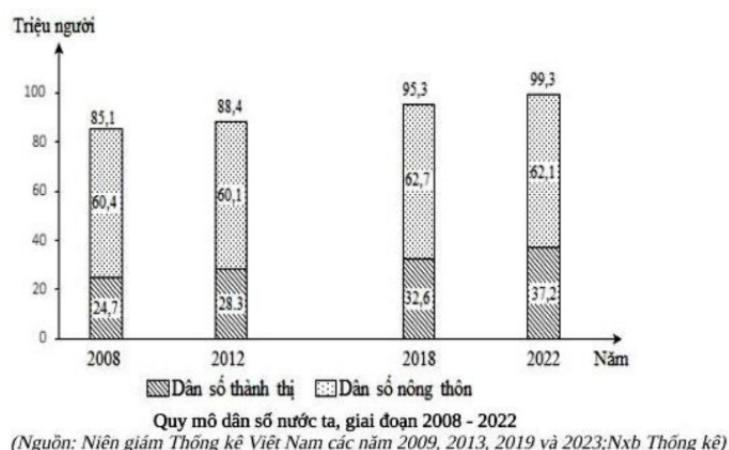
A. nhiều cao nguyên đá vôi, nguồn nước phong phú.

B. đất phù sa màu mỡ và có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. địa hình đồi núi và diện tích đất phù sa cổ rộng lớn.

D. khí hậu có mùa đông lạnh, đất feralit chiếm ưu thế.

Câu 18: Cho biểu đồ



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Dân số thành thị luôn cao hơn dân số nông thôn.
- B. Dân số nông thôn tăng liên tục trong giai đoạn 2008 - 2022.
- C. Tỉ trọng dân nông thôn năm 2022 chiếm 62,5% tổng dân số.
- D. Dân số thành thị tăng 15,2 triệu người giai đoạn từ 2008 - 2022.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Hàng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lên, tổng số giờ nắng trong năm tùy từng nơi từ 1.400 đến 3.000 giờ năm. Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều vượt 20°C (trừ vùng núi cao). Lượng mưa trung bình năm ở nước ta từ 1.500 đến 2.000 mm; độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn luôn dương. Khí hậu nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với hai mùa gió chính là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

- a) Nội dung trên thể hiện khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- b) Hầu hết lãnh thổ có lượng mưa thấp hơn lượng bốc hơi nên cân bằng ẩm nước ta luôn dương.
- c) Tính ẩm của khí hậu nước ta là do ảnh hưởng của các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với yếu tố địa hình.
- d) Tổng bức xạ lớn do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, góc nhập xạ nhỏ và cân bằng bức xạ quanh năm dương.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Phát triển nguồn năng lượng tái tạo là xu thế tất yếu trên thế giới hiện nay. Trong những năm qua, ngành năng lượng toàn cầu có xu hướng dịch chuyển tích cực với các nguồn “năng lượng xanh”. Việt Nam cũng thuộc danh sách các nước có tiềm năng lớn để đầu tư thêm các nguồn năng lượng tái tạo mới như điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện sóng biển và khí sinh học Biogas, bên cạnh các nguồn năng lượng sẵn có như điện khí tự nhiên hóa lỏng LNG (Liquefied Natural Gas), thủy điện và điện than.

(Nguồn: tapchitaichinh.vn, 2024)

- a) Nước ta có tiềm năng lớn để phát triển năng lượng tái tạo.
- b) Nước ta đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo trong bối cảnh nhiên liệu hóa thạch dần cạn kiệt, giá năng lượng thế giới biến động, nhu cầu trong nước giảm và biến đổi khí hậu toàn cầu.
- c) Phát triển năng lượng tái tạo góp phần khai thác tốt tiềm năng, giảm lệ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, đóng góp vào phát triển kinh tế và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- d) Tiềm năng điện sinh khối ở nước ta lớn chủ yếu do công nghiệp phát triển, cơ sở hạ tầng hiện đại.

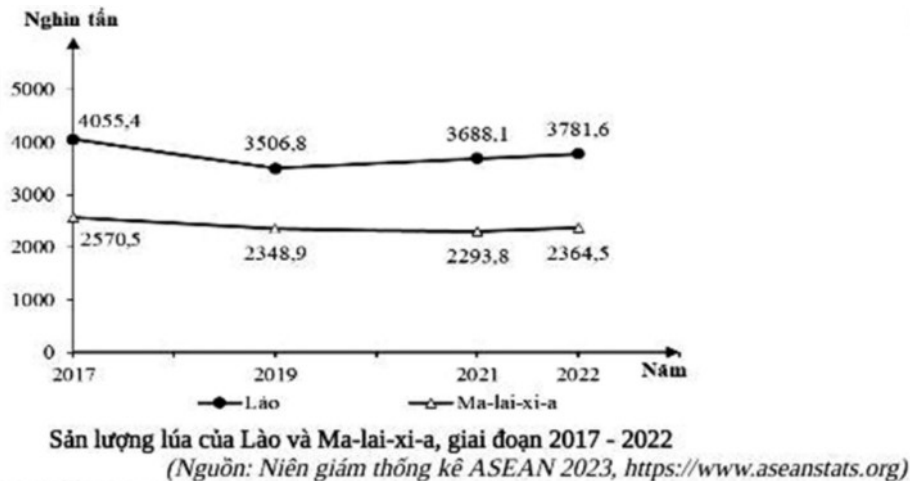
Câu 3: (ID: 764875) Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao, điển hình là dãy Hoàng Liên Sơn. Đất fe-ra-lít đỏ vàng chiếm 2/3 diện tích của vùng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ

rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển các ngành như trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn,...

- Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta.
- Vùng có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp, cây dược liệu có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.
- Sự phân hóa đa dạng của địa hình, đất đai và khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
- Chăn nuôi gia súc lớn của vùng có nhiều thay đổi do phát triển theo hướng tập trung, gắn với chế biến, khoa học - công nghệ và thị trường.

Câu 4: Cho biểu đồ:



- Sản lượng lúa của Lào tăng liên tục từ năm 2017 đến năm 2022.
- Sản lượng lúa của Ma-lai-xi-a thấp hơn Lào nhưng tăng liên tục.
- Năm 2022, sản lượng lúa của Lào gấp hơn 1,5 lần Ma-lai-xi-a.
- Tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa của Lào giai đoạn 2017 - 2022 là 95,2%.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lai Châu năm 2021

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	12,6	17	20,2	21,8	24,5	24,1	23,9	24	23,3	20,4	17	14,2

(Nguồn: gso.gov.vn)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Lai Châu năm 2021 là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Tuyên Quang năm 2022

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Địa điểm												
Tuyên Quang	110,7	241,1	192,0	64,7	541,2	243,8	234,3	447,8	301,1	35,4	11,2	12,9

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tổng lượng mưa các tháng trong năm của Tuyên Quang năm 2022 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Năm 2023, dân số nước ta là 100,3 triệu người, tổng số dân số nam là 50 triệu người. Cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu nam 100 nữ (làm tròn kết quả tiền một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta là 668,9 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 332,8 tỉ USD. Cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất nhập khẩu là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5: Năm 2022, loại hình giao thông đường biển nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa là 89307,46 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa là 191249,27 triệu tấn.km. Cho biết cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải này là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lạc ở Bắc Trung Bộ, năm 2015 và 2021

Năm	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
2015		
2021		

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, Nxb Thống kê 2023)

Cho biết năng suất lạc ở Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng bao nhiêu tạ/ha so với năm 2015 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

--HẾT--

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.B	3.A	4.D	5.A	6.A	7.A	8.C	9.C	10.A
11.B	12.C	13.D	14.D	15.D	16.A	17.D	18.C		

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên.

Cách giải:

Vị trí địa lí quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa. **Chọn A.**

Câu 2 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm phân bố dân cư.

Cách giải:

Dân cư nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

A sai vì dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở nông thôn (năm 2021, tỉ lệ dân nông thôn là 62,9%; trong khi tỉ lệ dân thành thị là 37,1%.

C sai vì dân số nước ta liên tục tăng => có xu hướng tăng về quy mô.

D sai vì dân cư nước ta phân bố không hợp lí giữa các vùng; dân cư tập trung nhiều ở đồng bằng, thưa thớt ở miền núi;...

Chọn B.

Câu 3 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm hiện trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp nước ta.

Cách giải:

Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta hiện nay là Đồng bằng sông Cửu Long (là vùng trọng điểm sản xuất lương thực số 1 nước ta); chiếm 53,8% diện tích gieo trồng và 55,5% sản lượng lúa cả nước (năm 2021).

Chọn A.

Câu 4 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm khu công nghiệp nước ta.

Cách giải:

Khu công nghiệp được tập trung nhiều nhất ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành dịch vụ nước ta.

Cách giải:

Ngành dịch vụ ở nước ta hiện nay xuất hiện nhiều loại hình mới.

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

- Cần hiểu: khối lượng luân chuyển = Khối lượng vận chuyển x Cự li vận chuyển trung bình.

- Lựa chọn loại hình vận tải có khối lượng vận chuyển và cự li vận chuyển lớn nhất.

Cách giải:

Loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất ở nước ta hiện nay là đường biển vì đây là loại hình vận tải có khả năng vận chuyển hàng hóa với khối lượng lớn, đặc biệt là hàng hóa nặng và cồng kềnh; phù hợp với vận chuyển hàng hóa trên quãng đường dài, phục vụ cho quá trình xuất – nhập khẩu hàng hóa.

Chọn A.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Than đá là loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao nhất ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay, trong đó Quảng Ninh là tỉnh có trữ lượng than lớn nhất nước ta.

Chọn A.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm trang trại (Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp).

Cách giải:

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng trang trại nuôi trồng thủy sản nhiều nhất nước ta hiện nay vì đây là vùng có nhiều thế mạnh nhất trong nuôi trồng thủy sản.

Chọn C.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa lãnh thổ du lịch hoặc ngành du lịch vùng Tây Nguyên.

Cách giải:

Tham quan nghỉ dưỡng biển đảo **không phải** là đặc trưng của Tây Nguyên vì Tây Nguyên là một trong hai vùng của nước ta giáp biển.

Chọn C.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào chuyên đề Địa lí 12: Thiên tai và biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Ở vùng biển nước ta, thiên tai thường xảy ra hàng năm là bão.

Chọn A.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, phần sông ngòi, địa hình.

Cách giải:

Sông ngòi có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao là đặc điểm thể hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta. Đây là biểu hiện do lượng mưa lớn và sự xói mòn mạnh mẽ trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, giúp cho các con sông có lượng phù sa lớn.

- A sai vì độ dốc hạ lưu của các con sông thường nhỏ, độ dốc lớn thường ở thượng lưu các con sông.

- C sai vì đây là hướng chảy chính của sông ngòi Việt Nam, do địa hình quy định, không phải là đặc điểm thể hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

- D sai vì tổng lượng nước phân bố không đều giữa các hệ thống sông, mà phụ thuộc vào lượng mưa và diện tích lưu vực của từng hệ thống sông.

Chọn B.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng lao động ở nước ta.

Cách giải:

Theo ngành kinh tế, cơ cấu lao động nước ta có sự chuyển dịch phù hợp với đường lối phát triển kinh tế – xã hội đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá: giảm tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỉ lệ lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. => Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta là công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chọn C.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm.

Cách giải:

Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm nước ta phát triển chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu phong phú. Để phát triển ngành công nghiệp này, yêu cầu phải có nguồn nguyên liệu, trong khi đó nước ta có ngành nông nghiệp đa dạng, sản xuất nhiều loại nông sản, thủy sản, gia súc, gia cầm,... là cơ sở vững chắc cho sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

Chọn D.

Câu 14 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, sản phẩm của ngành khai thác thủy sản **không phải** là sản phẩm nông nghiệp chính vì đây là một trong hai vùng kinh tế của nước ta không giáp biển.

Chọn D.

Câu 15 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió đông bắc và bão là các nguyên nhân chủ yếu tạo nên mùa mưa ở đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta. Trong đó gió mùa Tây Nam từ áp cao cận chí tuyến nam bán cầu kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới và bão gây mưa lớn cho cả nước ta vào nửa sau mùa hạ. Gió hướng đông bắc (Tín phong bán cầu bắc) gây mưa vào thu đông cho Duyên hải miền Trung.

A, B, C sai vì gió tây nam, gió Tây gây hiệu ứng phơn, làm thời tiết vào nửa đầu mùa hạ ở ven biển Trung Bộ khô, nóng.

Chọn D.

Câu 16 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm ngành trồng cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Lưu ý: sự phát triển các ngành kinh tế đều có mục đích chung lớn nhất là phát triển kinh tế - xã hội.

Cách giải:

Mục đích chủ yếu của việc trồng cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo ra khối lượng sản phẩm lớn có chất lượng, gần với công nghiệp chế biến, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch... từ đó tạo nông sản giá trị, tăng thu nhập, góp phần phát triển sản xuất.

=> Việc trồng cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ với mục đích chủ yếu là: tạo nông sản giá trị, tăng thu nhập, góp phần phát triển sản xuất.

Chọn A.

Câu 17 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm thích nghi của cây chè: chè là loại cây cận nhiệt ưa khí hậu ôn hòa, đất feralit. Từ đó, lựa chọn đáp án đúng.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có thế mạnh về phát triển cây công nghiệp, cây dược liệu, cây rau thực phẩm nhờ có địa hình phần lớn đồi núi, xen kẽ các cao nguyên. Đất feralit chiếm diện tích lớn. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hóa theo độ

cao thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại rau nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới. Chè là cây công nghiệp số 1 của vùng, năm 2022 chiếm trên 70% diện tích chè cả nước.

Chọn D.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào số dân thành thị, số dân nông thôn giai đoạn 2008 – 2022 trên biểu đồ và đưa ra nhận xét đúng. Để tính tỉ trọng, dựa vào công thức sau:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

A sai vì dân số thành thị luôn thấp hơn dân số nông thôn.

B sai vì dân số nông thôn giảm trong hai giai đoạn: 2008 – 2021 và 2018 – 2022.

C đúng vì tỉ trọng dân nông thôn năm 2022 là: $(62,1/99,3)*100 = 62,5\%$

D sai vì dân số thành thị giai đoạn 2008 – 2022 tăng: $37,2 - 24,7 = 12,5$ triệu người.

Chọn C.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	ĐSĐS	SĐĐS	SSĐS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào các biểu hiện về nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, cán cân bức xạ của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

b) Dựa vào công thức: Cân bằng ẩm = Lượng mưa – Lượng bốc hơi.

c) Dựa vào các nguyên nhân gây rass độ ẩm không khí cao.

d) Dựa vào các nguyên nhân làm lượng bức xạ mặt trời lớn.

Cách giải:

a) Đúng.

b) Sai. Hầu hết lãnh thổ có lượng mưa lớn hơn lượng bốc hơi nên cân bằng ẩm nước ta luôn dương.

c) Đúng. Tính ẩm của khí hậu nước ta được quy định bởi ảnh hưởng trực tiếp của biển (Biển Đông) và đại dương nhiệt đới (Tây Thái Bình Dương) với các khối khí nóng ẩm có nguồn gốc gió mùa hoặc Tín phong xuất phát từ Tây Thái Bình Dương và xích đạo thuộc Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

d) Sai. Nước ta có tổng bức xạ lớn do nằm trong vùng nội chí tuyến, góc nhập xạ **lớn** (mặt trời luôn ở cao trên đường chân trời), hai lên một trời lên thiên đỉnh trong năm.

Nước ta có tiềm năng lớn để phát triển năng lượng tái tạo

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và liên hệ thực tiễn về ngành công nghiệp năng lượng tái tạo ở nước ta.

Cách giải:

a) Đúng. Nước ta đây mạnh phát triển năng lượng tái tạo trong bối cảnh nhiên liệu hóa thạch dần cạn kiệt, giá năng lượng thế giới biến động, nhu cầu trong nước giảm và biến đổi khí hậu toàn cầu.

b) Sai. Trong bối cảnh ngày càng cạn kiệt nhiên liệu hóa thạch, giá đầu thế giới tăng cao và sự phụ thuộc ngày càng nhiều hơn vào giá năng lượng thế giới, nhu cầu năng lượng trong nước ngày càng tăng cao, biến đổi khí hậu toàn cầu gia tăng thì việc xem xét khai thác nguồn năng lượng tái tạo có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về kinh tế, xã hội và phát triển bền vững tại Việt Nam.

c) Đúng

- Khai thác các tiềm năng về năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sinh khối dồi dào từ tự nhiên, nông nghiệp...

- Giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí đốt).

- Việc phát triển năng lượng tái tạo cung cấp nguồn năng lượng sạch cho phát triển các ngành kinh tế, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tạo ra nhiều cơ hội việc làm.

- Giảm thiểu lượng khí thải nhà kính từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm ô nhiễm môi trường và hạn chế biến đổi khí hậu.

d) Sai. Việt Nam là một nước nông nghiệp nên có tiềm năng rất lớn về nguồn năng lượng sinh khối như gỗ, phế thải phụ phẩm từ nông nghiệp (rơm rạ, bã mía, vỏ, xơ bắp, lá khô, vụn gỗ...), chất thải chăn nuôi, rác thải ở đô thị và các chất thải hữu cơ khác. Đây là nguồn để phát triển năng lượng sinh khối. Hàng năm, tại Việt Nam có gần 60 triệu tấn sinh khối từ phế phẩm nông nghiệp, trong đó 40% được sử dụng đáp ứng nhu cầu năng lượng cho hộ gia đình và sản xuất điện. Theo số liệu tính toán, cứ 5 kg trấu tạo ra 1kWh điện, như vậy với lượng trấu hàng triệu tấn, mỗi năm Việt Nam có thể thu được hàng trăm MW điện. Theo tính toán Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương, đến năm 2035, tiềm năng phát triển điện sinh khối từ trấu khoảng 370 MW, gỗ củi, phụ phẩm lâm nghiệp 3.360 MW, bã mía 470 MW, rơm rạ 1.300 MW, khí sinh học 1.370 MW. Tổng tiềm năng các loại hình này là hơn 9.600 MW.

(Nguồn: <https://consosukien.vn/phat-trien-dien-sinh-khoi-tai-viet-nam-tao-co-che-khuyen-dich-dau-tu.how>)

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

a) Dựa vào ngành trồng cây công nghiệp của nước ta hoặc của Trung du và miền núi Bắc Bộ.

b) Dựa vào đoạn thông tin.

c) Dựa vào điều kiện đa dạng hóa nông nghiệp.

d) Dựa vào hướng phát triển chăn nuôi gia súc lớn của Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

a) Sai. Trung du và miền núi Bắc Bộ là một trong những vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của nước ta, nhưng sau Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Vùng này có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp như chừa (đây là cây công nghiệp quan trọng nhất của vùng,

chiếm phần lớn diện tích và sản hương chè của cả nước. Chè được trồng nhiều ở các tỉnh như Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang, Sơn La.)

cận nhiệt và ôn đới.

b) Đúng. Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thế mạnh để phát triển cây công nghiệp và cây dược liệu có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới do vùng có khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới, với mùa đông lạnh và mùa hè mát mẻ. Sự phân hóa khí hậu theo độ cao cũng cho phép trồng các loại cây phù hợp với từng độ cao khác nhau. c) Đúng. Sự phân hóa đa dạng của địa hình, đất đai và khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên cơ sở đa dạng hóa các cây công nghiệp.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ sở hữu sự đa dạng về địa hình, từ núi cao, đồi, đến các thung lũng và đồng bằng nhỏ. Mỗi dạng địa hình mang những đặc điểm riêng về độ cao, độ dốc, hướng phơi, và thành phần đất, từ đó ảnh hưởng đến khí hậu. Khí hậu ở vùng này cũng có sự phân hóa theo độ cao và mùa, với mùa đông lạnh và mùa hè mát mẻ. Sự kết hợp của các yếu tố địa hình, đất đai và khí hậu đã tạo ra nhiều tiểu vùng khí hậu và sinh thái khác nhau trong vùng. Mỗi tiểu vùng lại có những điều kiện tự nhiên phù hợp với từng loại cây công nghiệp riêng biệt

d) Sai. Chăn nuôi gia súc lớn của vùng có nhiều thay đổi do phát triển theo hướng tập trung gắn với chế biến, khoa học - công nghệ và thị trường, từ đó nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi, tăng tính ổn định sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường,...

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

- a, b) Dựa vào biểu đồ, nhận xét sự thay đổi sản lượng lúa của Lào và Ma-lai-xi-a.
c) Lấy sản lượng lúa của Lào năm 2022 chia cho sản lượng lúa của Ma-lai-xi-a năm 2022
d) Dựa vào công thức:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm sau/Giá trị năm gốc)*100

Cách giải:

- a) Sai. Sản lượng lúa của Lào giai đoạn 2017 – 2022 có sự biến động, nhìn chung có xu hướng giảm.
b) Sai. Sản lượng lúa của Ma-lai-xi-a giai đoạn 2017 – 2022 có sự biến động, nhìn chung có xu hướng giảm.
c) Đúng. Năm 2022, sản lượng lúa của Lào gấp: $3781,6/2364,5 = 1,599$ lần $\Rightarrow$ hơn 1,5 lần Ma-lai-xi-a.
d) Sai. Tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa của Lào giai đoạn 2017 – 2022 là: $3781,6/4055,4 \times 100 = 93,2\%$

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	20,3	2436	99,4	49,8	2141	5

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm của Lai Châu năm 2021 là:

$$(12,6 + 17 + 20,2 + \dots + 14,2)/12 = 20,3^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 20,3

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tổng lượng mưa trong năm = Lượng mưa tháng 1 + Lượng mưa tháng 2 + ... + Lượng mưa tháng 12

Cách giải:

Tổng lượng mưa các tháng trong năm của Tuyên Quang năm 2022 là:

$$110,7 + 241,1 + 192,0 + \dots + 12,9 = 2436 \text{ mm}$$

Đáp án: 2436

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ số giới tính} = (\text{Số dân nam}/\text{Số dân nữ}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là:

$$[50/(100,3 - 50)] * 100 = 99,4 \text{ nam}/100 \text{ nữ}$$

Đáp án: 99,4

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng}) * 100$$

Cách giải:

$$\text{Tỉ trọng trị giá nhập khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất nhập khẩu là: } (332,8/668,9) * 100 = 49,8\%$$

Đáp án: 49,8

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Khối lượng luân chuyển = Khối lượng vận chuyển * Cự li vận chuyển trung bình $\Rightarrow$ Cự li vận chuyển trung bình = Khối lượng luân chuyển / Khối lượng vận chuyển Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

$$\text{Đổi } 89307,46 \text{ nghìn tấn} = 89,30746 \text{ triệu tấn}$$

Cự li vận chuyển trung bình của loại hình giao thông đường biển của nước ta là:

$$191249,27/89,30746 = 2141 \text{ km}$$

Đáp án: 2141

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

So với năm 2015, năng suất lạc ở Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng lên:

$$(104,0/41,9) - (114,6/57,2) = 0,48 \text{ tấn/ha} = 4,8 \text{ tạ/ha} \approx 5 \text{ tạ/ha}$$

Đáp án: 5